TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 4 năm 2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- *Các Hội thẩm nhân nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Long

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Huy Vũ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà* Nguyễn Thị Cẩm Thúy-*Kiểm sát viên*.

Ngày *05* tháng *4* năm *2018* tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: *23/2018*/TLST-DS ngày *11* tháng *01* năm *2018* về tranh chấp *Xin ly hôn.*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *33 /2018*/QĐXX-ST ngày *09* tháng *3* năm *2018* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: số 452 đường B, phường N, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. Bị đơn: ông **Trần Quốc T**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: số 452 đường B, phường N, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt bà H, vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: do quen biết nên vào năm 2006 bà và ông Trần Quốc T tự nguyện chung sống vợ chồng, vợ chồng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154 ngày 31/12/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình ông T không tôn trọng gia đình bên vợ, vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vãi, vì thương con nên bà có cố hàn

gắn nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/6/2016. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 09/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Quốc T trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian và quá trình chung sống vợ chồng. Ông thừa nhận giữa vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng không lớn, nay do muốn con có đủ cả cha lẫn mẹ chăm sóc nên theo yêu cầu của bà H:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/6/2016. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154 ngày 31/12/2005. Ngày 09/01/2018 bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T đây là tranh chấp xin ly hôn được quy định tại điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Trần Quốc T đã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử, quyết định hoản phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Quốc T được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến bà H khởi kiện xin ly hôn, theo bà H do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải và hiện nay ông T có quan hệ với người phụ nữ khác.

Xét thấy, tại phiên hòa giải ngày 08/3/2018 ông T không đồng ý ly hôn, vì cho rằng muốn con có đủ cha mẹ chăm sóc, chứ không phải là vì còn tình cảm vợ chồng và ông cũng không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Khi Toà án xét xử đã triệu tập ông T đến để tham dự phiên toà, nhưng ông T vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông T không đến dự phiên toà là ông mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau, dẫn đến bà H không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, đời sống vợ chồng giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/6/2016, tại phiên tòa bà H yêu cầu giao con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét, từ năm 2016 khi ông T và bà H sống ly thân nhau, thì theo bà H trình bày cháu L đang trực tiếp chung sống với ông T, tại phiên hòa giải ngày 08/3/2018 thì ông T cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, để ổn định cuộc sống cho cháu và bà H cũng đồng ý giao cháu cho ông T nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/6/2016 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu. Bà H có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu và đề nghị: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T, con chung giao ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Trần Quốc T.

2- Về con chung: giao cháu Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 17/6/2016 cho ông Trần Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu. Bà H có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà H thực hiện quyền này .

3- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012013 ngày 11/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường N, Tp Mỹ Tho
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Ngọc Tuyền